



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA
VIỆT NAM

DN: C=VN, S=Đồng Nai, L=Biên Hòa,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ
CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MS
T:3600241468

Reason: I am the author of this
document

Location:

Date: 2019-03-13 10:17:05

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam) –
Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	

414/GPĐC1-BKH-KCN-DN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-DN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-DN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp		

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Ting Shu	Thành viên
	Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên
	Ông Tu Ting Jui	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc
	Ông Hsu Ching Yao	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Khu Công nghiệp Biên Hòa II
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Chi nhánh

Xã Cẩm Điền
Huyện Cẩm Giàng
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
– Trụ sở chính Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành vào ngày 11 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00349-19-3




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		522.079.045.545	591.092.544.878
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	79.432.698.987	94.892.516.627
Tiền	111		39.432.698.987	24.892.516.627
Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	70.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		239.148.367.249	210.310.579.094
Phải thu của khách hàng	131	5	231.189.391.740	209.358.852.973
Trả trước cho người bán	132		7.122.998.330	1.540.693.220
Phải thu nội bộ	133	6	1.778.416.503	-
Phải thu khác	136		176.638.888	530.111.113
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.119.078.212)	(1.119.078.212)
Hàng tồn kho	140	7	192.178.564.605	269.477.756.460
Hàng tồn kho	141		192.768.551.309	269.909.335.227
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(589.986.704)	(431.578.767)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.319.414.704	16.411.692.697
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.638.371.987	1.122.180.686
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(a)	9.427.220.717	15.011.534.011
Tài sản ngắn hạn khác	155		253.822.000	277.978.000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		187.922.071.291	189.728.802.664
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh	213	8	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		58.699.883.390	59.399.337.579
Tài sản cố định hữu hình	221	9	58.360.638.590	58.973.476.779
Nguyên giá	222		318.525.417.093	311.302.681.124
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(260.164.778.503)	(252.329.204.345)
Tài sản cố định vô hình	227	10	339.244.800	425.860.800
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(660.834.000)	(574.218.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.388.875.886	5.441.026.742
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	4.388.875.886	5.441.026.742
Tài sản dài hạn khác	260		2.031.664.578	2.086.790.906
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.775.304.840	1.854.192.359
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		256.359.738	232.598.547
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		710.001.116.836	780.821.347.542

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		283.725.164.026	344.675.727.167
Nợ ngắn hạn	310		283.725.164.026	344.675.727.167
Phải trả người bán	311	13	125.612.439.091	128.700.185.938
Người mua trả tiền trước	312		5.411.662.485	11.395.859.096
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(b)	1.842.873.433	1.062.438.167
Phải trả người lao động	314		5.620.272.900	5.461.957.650
Chi phí phải trả	315		1.158.069.959	1.040.939.129
Phải trả khác	319		268.064.154	188.417.579
Vay ngắn hạn	320	15	143.811.782.004	196.825.929.608
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		426.275.952.810	436.145.620.375
Vốn chủ sở hữu	410	16	426.275.952.810	436.145.620.375
Vốn cổ phần	411	17	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	17	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	19	55.773.015.249	45.058.840.578
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63.876.326.924	84.460.169.160
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.367.844.226	22.858.563.604
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		47.508.482.698	61.601.605.556
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		710.001.116.836	780.821.347.542

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	21	1.386.583.765.911	1.225.517.124.434
Giá vốn hàng bán	11	22	1.282.803.033.334	1.111.278.340.879
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		103.780.732.577	114.238.783.555
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	6.641.982.803	8.376.284.337
Chi phí tài chính	22	24	13.969.148.396	11.854.664.705
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.456.076.055	7.572.444.232
Chi phí bán hàng	25		19.396.707.039	18.355.996.031
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		19.601.957.209	20.012.975.384
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		57.454.902.736	72.391.431.772
Thu nhập khác	31		38.778.388	2.320.856.599
Chi phí khác	32		846.257	332.132.373
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		37.932.131	1.988.724.226
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		57.492.834.867	74.380.155.998
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	10.008.113.360	11.811.424.730
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	(23.761.191)	967.125.712
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		47.508.482.698	61.601.605.556

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Su Yu Chun
 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		57.492.834.867	74.380.155.998
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		9.235.749.775	12.618.956.649
Các khoản dự phòng	03		158.407.937	(991.279.403)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(420.988.929)	271.370.935
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(2.906.841.471)	(5.507.911.758)
Chi phí lãi vay	06		7.456.076.055	7.572.444.232
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		71.015.238.234	88.343.736.653
Biến động các khoản phải thu	09		(20.458.513.230)	(81.392.567.388)
Biến động hàng tồn kho	10		77.140.783.918	(131.923.237.303)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(8.697.114.859)	78.575.954.600
Biến động chi phí trả trước	12		(437.303.782)	360.849.889
			118.563.090.281	(46.035.263.549)
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.401.337.895)	(7.308.221.503)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.403.279.885)	(11.405.668.658)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.821.409.694)	(1.244.368.729)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99.937.062.807	(65.993.522.439)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(10.050.549.980)	(13.275.103.618)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		36.330.000	552.363.637
Tiền chi gửi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		-	(30.000.000.000)
Tiền thu từ rút các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24		-	70.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.223.983.696	5.497.437.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.790.236.284)	32.774.697.024

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		412.152.306.542	679.564.987.862
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34		(465.202.210.136)	(636.653.038.960)
Tiền chi trả cổ tức	36		(55.556.740.569)	(21.353.685.072)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(108.606.644.163)	21.558.263.830
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(15.459.817.640)	(11.660.561.585)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		94.892.516.627	106.553.078.212
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	79.432.698.987	94.892.516.627

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005 tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-DN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Trụ sở chính có 282 nhân viên (1/1/2018: 292 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này do Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính của Chi nhánh. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) cũng lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan bao gồm Chi nhánh Hải Dương, các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	475.664.000	395.887.000
Tiền gửi ngân hàng	38.957.034.987	24.496.629.627
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	70.000.000.000
	79.432.698.987	94.892.516.627

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam	35.193.838.191	37.006.554.332
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	52.033.559.344	50.394.780.301
Các khách hàng khác	143.961.994.205	121.957.518.340
	231.189.391.740	209.358.852.973

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH Điện Cơ Teco (Việt Nam)	2.084.399.819	1.232.868.643
Công ty TNHH Công nghệ Teco (Việt Nam)	-	90.638.625

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6. Phải thu nội bộ

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu của Chi nhánh từ bán thành phẩm	1.778.416.503	-

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	38.887.492.160	-	42.501.726.585	-
Nguyên vật liệu	22.956.308.506	-	52.994.525.598	(164.759.468)
Sản phẩm dở dang	10.227.508.083	(585.359.958)	43.525.472.821	(265.656.583)
Thành phẩm	120.697.242.560	(4.626.746)	130.887.610.223	(1.162.716)
	192.768.551.309	(589.986.704)	269.909.335.227	(431.578.767)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	431.578.767	1.422.858.170
Tăng dự phòng trong năm	158.407.937	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(991.279.403)
Số dư cuối năm	589.986.704	431.578.767

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 10,2 tỷ VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2018: 49,6 tỷ VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho Chi nhánh vào năm 2007 để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh này không hưởng lãi và được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	73.784.396.387	222.193.680.480	9.370.129.293	3.465.254.967	2.489.219.997	311.302.681.124
Tăng trong năm	273.000.000	2.514.894.244	-	-	-	2.787.894.244
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	5.748.401.342	-	-	-	5.748.401.342
Thanh lý	-	(1.313.559.617)	-	-	-	(1.313.559.617)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	74.057.396.387	229.143.416.449	9.370.129.293	3.465.254.967	2.489.219.997	318.525.417.093
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	57.049.870.886	185.545.309.361	4.257.897.729	3.169.191.054	2.306.935.315	252.329.204.345
Khấu hao trong năm	1.748.730.300	6.266.917.635	974.000.400	104.883.040	54.602.400	9.149.133.775
Thanh lý	-	(1.313.559.617)	-	-	-	(1.313.559.617)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	58.798.601.186	190.498.667.379	5.231.898.129	3.274.074.094	2.361.537.715	260.164.778.503
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	16.734.525.501	36.648.371.119	5.112.231.564	296.063.913	182.284.682	58.973.476.779
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	15.258.795.201	38.644.749.070	4.138.231.164	191.180.873	127.682.282	58.360.638.590

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá 213,02 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 174,41 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1/ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	574.218.000
Khấu hao trong năm	86.616.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	660.834.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	425.860.800
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	339.244.800

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 567 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 567 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	5.441.026.742	8.815.448.752
Tăng trong năm	4.696.250.486	10.861.282.999
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.748.401.342)	(14.235.705.009)
Số dư cuối năm	4.388.875.886	5.441.026.742

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.424.909.371	429.282.988	1.854.192.359
Tăng trong năm	-	410.673.869	410.673.869
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(432.712.828)	(489.561.388)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.368.060.811	407.244.029	1.775.304.840

13. Phải trả người bán

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. – một bên liên quan	74.715.015.403	74.715.015.403	117.638.636.565	117.638.636.565
Công ty TNHH Công nghệ Teco (Việt Nam) – một bên liên quan	51.334.502	51.334.502	70.896.280	70.896.280
Công ty TNHH Điện Cơ Teco (Việt Nam) – một bên liên quan	18.095.000	18.095.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	50.827.994.186	50.827.994.186	10.990.653.093	10.990.653.093
	125.612.439.091	125.612.439.091	128.700.185.938	128.700.185.938

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cán trừ VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.011.534.011	119.315.716.374	(32.995.000.000)	(91.905.029.668)	9.427.220.717

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	91.905.029.668	-	(91.905.029.668)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	96.709.930.484	(96.709.930.484)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	670.711.182	10.008.113.360	(9.403.279.885)	-	1.275.544.657
Thuế thu nhập cá nhân	391.726.985	2.276.794.244	(2.101.192.453)	-	567.328.776
	1.062.438.167	200.899.867.756	(108.214.402.822)	(91.905.029.668)	1.842.873.433

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong năm		Đánh giá lại VND	31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND		Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	196.825.929.608	196.825.929.608	412.152.306.542	(465.202.210.136)	35.755.990	143.811.782.004	143.811.782.004

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	65.902.957.353	53.800.000.000
Ngân hàng Hua Nan Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 2%	59.438.869.501	45.900.000.000
Ngân hàng Mega International Commercial, Chi nhánh Tainan (a)	3,5 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,1%	18.469.955.150	-
Ngân hàng Mega International Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6,2 triệu USD	LIBOR 6 tháng + 1%	-	53.604.984.100
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	6,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	-	33.500.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina Bank, Chi nhánh Đồng Nai (a)	1,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1%	-	10.020.945.508
			143.811.782.004	196.825.929.608

- a. Các khoản vay này không được đảm bảo.
b. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	306.899.450.637	(272.840.000)	37.739.024.524	52.776.433.459	397.142.068.620
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	7.319.816.054	(7.319.816.054)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.244.368.729)	(1.244.368.729)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 18)	-	-	-	(36.816.698.400)	(36.816.698.400)
Cổ tức – 48% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 18)	-	-	-	15.463.013.328	15.463.013.328
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	61.601.605.556	61.601.605.556
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	306.899.450.637	(272.840.000)	45.058.840.578	84.460.169.160	436.145.620.375
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	10.714.174.671	(10.714.174.671)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.821.409.694)	(1.821.409.694)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 18)	-	-	-	(82.837.571.400)	(82.837.571.400)
Cổ tức – 32,93% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 18)	-	-	-	27.280.830.831	27.280.830.831
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	47.508.482.698	47.508.482.698
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	306.899.450.637	(272.840.000)	55.773.015.249	63.876.326.924	426.275.952.810

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

18. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2018 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền với tổng số tiền là 82.838 triệu VND (2.700 VND một cổ phiếu) (2017: 36.817 triệu VND).

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị vào ngày 11 tháng 6 năm 2018, khoản cổ tức nêu trên sẽ được trả bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 67,07% và 32,93%.

19. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	3.610.152.000	3.739.875.881
Trong vòng hai đến năm năm	12.311.558.600	13.667.636.022
Sau năm năm	54.315.733.200	60.957.352.683
	70.237.443.800	78.364.864.586

(b) Ngoại tệ

		31/12/2018		1/1/2018
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	235.632	5.456.116.466	40.929	927.657.069

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.375.949.963.416	1.216.300.819.396
▪ Bán hàng hóa	276.566.995	415.495.868
▪ Bán phế liệu	10.357.235.500	8.800.809.170
	1.386.583.765.911	1.225.517.124.434

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.282.423.577.215	1.111.932.397.651
▪ Hàng hoá đã bán	221.048.182	337.222.631
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	158.407.937	(991.279.403)
	1.282.803.033.334	1.111.278.340.879

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.870.511.471	4.955.548.121
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.771.471.332	3.420.736.216
	6.641.982.803	8.376.284.337

24. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	7.456.076.055	7.572.444.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.513.072.341	4.282.220.473
	13.969.148.396	11.854.664.705

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.153.502.888.188	1.117.555.603.632
Chi phí nhân công và nhân viên	44.108.419.983	42.586.809.023
Chi phí khấu hao	9.235.749.775	12.618.956.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.870.718.898	37.254.315.204
Chi phí khác	34.409.949.742	34.839.231.920

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	10.008.113.360	11.811.424.730
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(23.761.191)	967.125.712
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.984.352.169	12.778.550.442

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57.492.834.867	74.380.155.998
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	8.623.925.230	11.157.023.400
Chi phí không được khấu trừ thuế	734.330.663	847.642.806
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	626.096.276	773.884.236
	9.984.352.169	12.778.550.442

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các ưu đãi thuế trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng đã được Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

27. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Trụ sở chính có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2018	2017	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND	VND	VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	928.399.770.021	811.127.345.112	74.563.871.420	117.488.197.638
Phí bản quyền và phí UL (*)	1.943.888.563	1.716.233.295	151.143.983	150.438.927
Công ty TNHH Điện Cơ Teco (Việt Nam)				
Mua nguyên vật liệu	56.040.000	-	18.095.000	-
Bán thành phẩm	13.073.130.726	13.255.978.633	2.084.399.819	1.232.868.643
Công ty TNHH Công nghệ Teco (Việt Nam)				
Mua nguyên vật liệu	187.322.290	297.208.241	51.334.502	70.896.280
Bán thành phẩm	459.026.646	-	-	90.638.625
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương				
Bán thành phẩm	10.554.069.361	2.920.679.219	1.778.416.503	-
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.				
Cổ tức đã chia (**)	66.298.964.400	29.466.206.400	-	-

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2018 VND	2017 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ban quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên Ban Tổng Giám đốc	1.030.999.900	1.036.551.500	282.624.100	69.310.000
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.821.409.694	1.244.368.729	-	-
Cổ tức được chia cho thành viên Hội đồng Quản trị	485.805.600	215.913.600	-	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang – Chủ tịch	222.237.900	449.399.286	108.721.405	168.894.790

(*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (công ty mẹ cấp cao nhất), Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL của 13 sản phẩm thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

(**) Đây là toàn bộ cổ tức chia cho Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd., công ty mẹ, trong đó 32,93% được trả bằng lợi nhuận chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 18).

28. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc